

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 244/2024/DS-ST

Ngày: 22-8-2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua  
bán tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nguyễn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Đặng Bình Thủy

+ Bà Huỳnh Thị Phượng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mỹ Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông:** Bà Trần Thị Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 214/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **PHAN NGỌC T**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp G, xã K, huyện G, tỉnh T.

Đại diện ủy quyền: **Đỗ Thị Mỹ D**, sinh năm xxxx;

Địa chỉ: ấp G, xã K, huyện G, tỉnh T.

- Bị đơn: **BẠCH CÔNG S**, sinh năm xxxx;

**BẠCH CÔNG T**, sinh năm xxxx;

Địa chỉ: ấp N, xã P, huyện G, tỉnh T

(Bà Dung có mặt, ông S và anh T vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn anh Phan Ngọc T và trong quá trình tố tụng tại Tòa án đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Đỗ Thị Mỹ D trình bày:** Anh Phan Ngọc T là chủ của hàng thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi. Trong quá trình kinh doanh có bán thức ăn và thuốc thú y chăn nuôi gà cho cha con của anh T là ông Bạch Công S và ông Bạch Công T, việc mua bán thức ăn theo hình thức gói đầu, anh T bán thức ăn cho anh T và ông S, khi nào xuất chuồng thì hoàn trả tiền mua thức ăn và thuốc thú y cho anh T. Anh T là người liên hệ mua thức ăn và thuốc thú y, khi giao hàng không có anh T ở trại chăn nuôi thì ông S có đến nhận hàng cho anh T. Đến ngày 23/11/2022 thì anh T có kết toán sổ sách thì còn nợ tiền hàng là 290.165.000 đồng, sau đó anh T có đứng ra trả số tiền 90.165.000 đồng, còn nợ lại anh T 200.000.000 đồng. Sau đó ông S và anh T không tiếp tục trả số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng mà đã chấm dứt mua hàng của anh T để đi mua nơi khác. Anh T có nhiều lần yêu cầu ông S, anh T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông S và anh T cứ hẹn nhiều lần và không thực hiện. Nay anh T yêu cầu ông S và anh T trả số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính theo lãi suất Nhà nước, tạm tính từ ngày 23/11/2022 đến ngày khởi kiện là 30.000.000 đồng, tổng cộng là 230.000.000 đồng, yêu cầu trả làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

**\* Bị đơn ông Bạch Công S trình bày:** Trước đây anh T sống chung với ông, sau khi có vợ thì anh T về nhà vợ sinh sống và thuê trại chăn nuôi gà. Anh T và anh T làm ăn mua bán cũng nhiều lần, đến khi anh T vô nhà nhờ ông liên hệ anh T để gọi về trả tiền mua bán thức ăn và thuốc thú y thì ông mới biết anh T nợ tiền của anh T. Việc mua bán thức ăn và thuốc thú y giữa anh T và anh T thì ông không có liên quan, anh T nói đi làm kiếm tiền trả nợ đến nay ông không có liên lạc được. Nay anh T yêu cầu ông và anh T trả số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính theo lãi suất Nhà nước, tạm tính từ ngày 23/11/2022 đến ngày khởi kiện là 30.000.000 đồng, tổng cộng là 230.000.000 đồng, yêu cầu trả làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật thì ông không đồng ý, do việc chăn nuôi mua bán hàng giữa anh T và anh T không liên quan đến ông, tự anh T thuê chỗ nuôi và đứng ra mua bán hàng nên ông không biết gì hết.

**\* Bị đơn anh Bạch Công T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh Phan Ngọc T.**

**Tại phiên tòa hôm nay:**

Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Bạch Công S liên đới trả cho anh T số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính theo lãi suất Nhà nước, tạm tính từ ngày 23/11/2022 đến ngày khởi kiện là 30.000.000 đồng, tổng cộng là 230.000.000 đồng. Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

yêu cầu anh Bạch Công T trả cho anh T số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính theo lãi suất Nhà nước, tạm tính từ ngày 23/11/2022 đến ngày khởi kiện là 30.000.000 đồng, tổng cộng là 230.000.000 đồng, yêu cầu trả làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Bạch Công S xin vắng mặt, anh Bạch Công T vắng mặt không có lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y còn nợ là 200.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Bò nòn ông Bạch Công S và anh Bạch Công T trú tại ấp Nghĩa Chí, xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, tænh Tieàn Giang. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Bạch Công S liên đới trả cho anh T số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính theo lãi suất Nhà nước, tạm tính từ ngày 23/11/2022 đến ngày khởi kiện là 30.000.000 đồng, tổng cộng là 230.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc Sãng liên đới trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn ông Bạch Công S có đơn xin vắng mặt, anh Bạch Công T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S, anh T theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T yêu cầu anh T trả số tiền là 200.000.000 đồng. Xét trên thực tế thì hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi bằng miệng giữa anh T với anh T đã được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có dấu hiệu bị đe dọa hay ép buộc. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình Trần cung cấp “*Sổ ghi nhận thuốc và thức ăn chăn nuôi*”. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh T đã hoàn thành việc giao thức ăn chăn nuôi cho anh T nhưng khi xuất chuồng thì anh T không thực hiện

đầy đủ nghĩa vụ trả tiền cho anh T. Mặt khác, kể từ ngày Toà án thụ lý, giải quyết vụ án, thực hiện thủ tục tố tụng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh T không có văn bản ý kiến phản đối đối với yêu cầu, chứng cứ do anh T đưa ra nên anh T không phải chứng minh gì khác theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, anh T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền là vi phạm hợp đồng mua bán tài sản nên anh T yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ trả tiền là có cơ sở theo quy định khoản 1 Điều 351, đoạn 1 Điều 430, Điều 431, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T yêu cầu anh T trả số tiền 200.000.000 đồng.

[5] Về tiền lãi: Anh T yêu cầu tính lãi đối với số tiền 200.000.000 đồng từ ngày 23/11/2022 đến khi Tòa án xét xử theo quy định pháp luật. Xét yêu cầu này là có cơ sở vì anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên anh T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Số tiền 200.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 21 tháng = 34.860.000 đồng.

Như vậy, anh T phải trả cho anh T số tiền vốn và lãi tổng cộng là 234.860.000 đồng.

[6] Về thời gian trả: Nguyên đơn yêu cầu trả khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở vì số tiền này anh T để quá lâu đã ảnh hưởng đến quyền lợi của anh T nên cần buộc anh T trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Từ các phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở một phần nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[7] Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 224, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 117, Điều 288, khoản 1 Điều 351, khoản 1 Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Xử:**

[1] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh Phan Ngọc T về việc buộc ông Bạch Công S liên đới với anh Bạch Công T trả cho đới trả cho anh T số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính theo lãi suất Nhà nước, tạm tính từ ngày 23/11/2022 đến ngày khởi kiện là 30.000.000 đồng, tổng cộng là 230.000.000 đồng.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Ngọc T.

Buộc anh Bạch Công T có trách nhiệm trả cho anh Phan Ngọc T số tiền 234.860.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng anh T còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh tiền chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Anh Bạch Công T phải chịu 11.743.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại anh Phan Ngọc T số tiền 5.750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013285 ngày 14/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được tính từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ, án văn.

**Nguyễn Văn Nguyên**